

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2020/HS-ST
Ngày 28-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Túy;

2. Bà Phạm Thị Thúy Mùi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân P, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020 đối với:

Bị cáo Phạm Văn T sinh ngày 05/6/1983; tại: huyện P, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L, xã K, P, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn TH sinh năm 1960 và bà: Hoàng Thị T sinh năm 1960; vợ: Ngô Mai H sinh năm 1982 (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2010

Tiền án, tiền sự: Không

Bị tạm giữ từ ngày 16/6/2020, đến ngày 19/6/2020 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P, tỉnh Thái Bình.

Người chứng kiến:

- Anh Nguyễn Văn Đ sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn C, xã A, P, tỉnh Thái Bình

- Anh Nguyễn Văn T sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo; vắng mặt anh Đ và anh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/6/2020, tại khu vực Trạm y tế xã A, Thôn C, xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình, tổ công tác Công an P cùng Công an xã A phát hiện Phạm Văn T đi bộ một mình có biểu hiện liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu T về trụ sở Công an xã A để làm việc. Tại đây, Tổ công tác tiến hành kiểm tra, phát hiện, thu giữ tại túi quần bên phải phía trước T đang mặc 01 gói giấy trắng chứa chất bột màu trắng dạng cục. T khai nhận đó là gói Hêrôin T vừa mua để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T không thu giữ tài sản, đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận giám định 232/KLGD-PC09 ngày 17/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận:

“Vật chứng gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Hêrôin), có khối lượng 0,2564 gam (Không phải hai nghìn năm trăm sáu mươi bốn gam).

Hêrôin STT: 09, Danh mục I, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ”.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận: Bản thân là người nghiện ma túy, thường xuyên mua ma túy về sử dụng. Khoảng 09 giờ ngày 16/6/2020, T đi bộ một mình từ nhà ra đường liên xã, đi nhờ xe máy của một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ xuống xã A, P mua của một người đàn ông không quen biết một gói Hêrôin với giá 100.000 đồng rồi giấu vào túi quần bên phải phía trước đang mặc và đi tìm chỗ vắng để sử dụng. Khi đến khu vực cổng Trạm y tế xã A thì bị phát hiện, bắt giữ.

Bản Cáo trạng số 72/CT-VKSQP ngày 29/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân P, tỉnh Thái Bình truy tố Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về tội danh tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Về hình phạt: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 50, điểm s, khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử

phạt bị cáo từ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/6/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: tịch thu để tiêu hủy toàn bộ vật chứng là hêrôin thu được của bị cáo trong phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định; Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì; bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận do nghiện ma túy nên bị cáo đã đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng do Công an P lập ngày 16/6/2020, lời khai của người chứng kiến, bản kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 16/6/2020, tại khu vực Thôn C, xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình, Phạm Văn T đã có hành vi cất giấu tại túi quần bên phải phía trước đang mặc 01 gói ma túy, loại hêrôin, có khối lượng 0,2564 gam (*Không thấy hai nghìn năm trăm sáu mươi bốn*

gam) nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an P phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

“Điều 249 Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy, thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các Điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroin cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Tệ nạn ma túy đang là mối quan tâm, nhức nhối của toàn xã hội, ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, làm phát sinh đại dịch HIV/AIDS và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy nhưng vì nghiện ma túy nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa vi phạm pháp luật lần nào. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s của khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52

Bộ luật Hình sự. Như vậy, về hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nghiện ma túy, lại là người thuộc hộ cận nghèo vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Do không có căn cứ xác định người đã bán ma túy cho bị cáo nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 01 gói chứa chất bột màu trắng dạng cục, kết quả giám định kết luận là ma túy loại hêrôin và hoàn trả mẫu vật sau giám định, đây là loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy số ma túy đã thu giữ còn lại sau giám định là phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Do bị cáo là người thuộc hộ cận nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp với khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 16/6/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 0,2125 gam (*Không thấy hai nghìn một trăm hai mươi lăm gam*) mẫu gửi giám định và toàn bộ bao gói thu của Phạm Văn T trong phong bì hoàn trả mẫu vật sau giám định ghi số 232/KLGD của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn T.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Bị cáo;
- VKSND h. Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an & Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THA hình sự CA h. Quỳnh Phụ;
- Trại tạm giam;
- UBND xã K, h. Quỳnh Phụ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên
(Đã ký)**